

UBND TỈNH KIÊN GIANG
VĂN PHÒNG

Số: 7488 /VP-KGVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 27 tháng 11 năm 2020

V/v tham mưu triển khai thực hiện Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025.



Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã nhận Công văn số 1625/UBND-CSDT ngày 23/11/2020 của Ủy ban Dân tộc “Về việc triển khai thực hiện Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg” (đính kèm văn bản).

Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Minh Thành có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh văn bản triển khai thực hiện các nội dung theo đề nghị của Ủy ban Dân tộc tại văn bản nêu trên (hoàn thành chậm nhất ngày 07/12/2020); đồng thời tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh văn bản báo cáo cho Ủy ban Dân tộc (hoàn thành chậm nhất ngày 09/01/2021).

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo ý kiến chỉ đạo trên đến quý cơ quan biết, thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP; P. KGVX;
- Lưu: VT, tthuy, “HT”.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Huy nh Vĩnh Lạc



Ủy ban Dân tộc
23.11.2020
17:12:45

ỦY BAN DÂN TỘC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ~~16.25~~ /UBDT - CSDT
V/v triển khai thực hiện
Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

Thực hiện Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025, Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện một số nội dung sau:

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến các nội dung của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chỉ đạo các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức rà soát, xác định các xã khu vực III, II, I, các thôn đặc biệt khó khăn theo đúng quy trình, thủ tục và thời gian quy định tại Điều 7, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg và các mẫu biểu kèm theo văn bản này.

2. Lập đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 8, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg và gửi về Ủy ban Dân tộc số 349 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội trước ngày 15/01/2021 để tổng hợp, tổ chức thẩm định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định (kèm file điện tử gửi bằng định dạng Microsoft Word và Microsoft Excel đến địa chỉ vuchinh sachdantoc@cema.gov.vn).

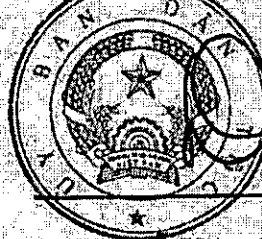
Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) khẩn trương chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời thông tin về Ủy ban Dân tộc để phối hợp giải quyết.

Nơi nhận

- Như trên;
- Các Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Công TIẾT UBDT;
- Lưu VT, Vụ CSDT(03b).

27

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Đỗ Văn Chiến

Thông tin liên hệ: Đồng chí Nguyễn Văn Tân, Phó vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc.
Điện thoại: 0904.070.171. Email: nguyenvantan@cema.gov.vn

Biểu 1

**DANH SÁCH XÃ THUỘC VÙNG ĐỒNG BAO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI
PHÂN ĐỊNH THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Văn bản số 1625 /UBND-CSĐT ngày 15 /11/2020 của Ủy ban Dân tộc)

TT	TÊN TỈNH, HUYỆN, XÃ	Tổng số xã	Tổng số thôn	Hộ			Nghèo				Các điều kiện kèm theo				Thuộc khu vực	Ghi chú	
				Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)	ĐK1	ĐK2	ĐK3	ĐK4			
1	2	3	4	5	6	$7=6:5$ $\times 100\%$	8	$9=8:5$ $\times 100\%$	10	$11=10:8$ $\times 100\%$	12	13	14	15	16	17	
	TỈNH.....																
I	Huyện.....																
1	Xã....																
2	Xã....																
3	Xã....																

Ghi chú:

- Cột 3: Ghi tổng số xã trên địa bàn đối với cấp tỉnh và cấp huyện
- Cột 4: Ghi tổng số thôn trên địa bàn
- Cột 17: Ghi BG với xã biên giới, ghi ATK với xã an toàn khu và ghi NTM với xã đã đạt chuẩn nông thôn mới (tại thời điểm rà soát)
- ĐK1: Tỷ lệ hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo của xã.
- ĐK2: Tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi từ 15 đến 60 chưa biết đọc, biết viết tiếng phổ thông
- ĐK3: Tỷ lệ lao động có việc làm nhưng chưa qua đào tạo từ 3 tháng trở lên.
- ĐK4: Số km đường chưa được rải nhựa hoặc đổ bê tông/tổng số km đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã

Biểu 2

**XÁC ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Kèm theo Văn bản số 1625/UBNDT-CSĐT ngày 23/11/2020 của Ủy ban Dân tộc)

TT	TÊN TỈNH, HUYỆN, XÃ	Hộ			Nghèo				Các điều kiện kèm theo			Thôn thuộc diện ĐBKK	Xã thuộc khu vực
		Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)	ĐK1	ĐK2	ĐK3		
1	2	3	4	5=4:3 x100%	6	7=6:3 x100%	8	9=8:6 x100%	10	11	12	13	14
I	Huyện.....												
1	Xã....												
	Thôn A												
	Thôn B												
2	Xã....												
	Thôn A												
	Thôn B												
II	Huyện.....												

Ghi chú:

- Cột 2: Ghi tên tất cả các thôn thuộc xã của Biểu 1 và tên tất cả các thôn thuộc xã không có tên trong biểu 1 nhưng có thôn ít nhất 01 thôn có trên 15% số hộ DTTS.
- Cột 13: Đánh dấu X nếu đạt tiêu chí thôn ĐBKK, nếu không đạt để trống.
- Cột 14: Ghi ký hiệu III, II, I tương ứng với cấp xã được xác định khu vực III, II, I tại biểu 1. Trường hợp xã không có tên trong biểu 1 để trống.
- ĐK1: Tỷ lệ hộ nghèo là hộ DTTS trong tổng số hộ nghèo của thôn (kết quả của cột 9)
- ĐK2: Chưa có đường từ thôn đến xã hoặc có nhưng đi lại rất khó khăn (đánh dấu X vào cột 11)
- ĐK3: Tỷ lệ hộ chưa sử dụng điện lưới quốc gia. Trường hợp thôn chưa có điện lưới quốc gia ghi 100.

DANH SÁCH GỬI CÁC TỈNH (TP) VÙNG ĐTT& MN

TT	TỈNH (TP)	TT	TỈNH (TP)
1	TỈNH VINH PHÚC	27	TỈNH QUẢNG BÌNH
2	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	28	TỈNH QUẢNG TRỊ
3	TỈNH QUẢNG NINH	29	TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
4	TỈNH HÀ GIANG	30	TỈNH QUẢNG NAM
5	TỈNH NINH BÌNH	31	TỈNH QUẢNG NGÃI
6	TỈNH CAO BẮNG	32	THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
7	TỈNH BẮC KẠN	33	TỈNH BÌNH ĐỊNH
8	TỈNH TUYẾN QUANG	34	TỈNH PHÚ YÊN
9	TỈNH LÀO CAI	35	TỈNH KHÁNH HOÀ
10	TỈNH YÊN BÁI	36	TỈNH NINH THUẬN
11	TỈNH THÁI NGUYÊN	37	TỈNH BÌNH THUẬN
12	TỈNH LANG SON	38	TỈNH BÌNH PHƯỚC
13	TỈNH BẮC GIANG	39	TỈNH TÂY NINH
14	TỈNH PHÚ THO	40	TỈNH ĐÔNG NAI
15	TỈNH ĐIỆN BIÊN	41	TỈNH BÌNH DƯƠNG
16	TỈNH LAI CHÂU	42	TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU
17	TỈNH SƠN LA	43	TỈNH TRÀ VINH
18	TỈNH HOÀ BÌNH	44	TỈNH VINH LONG
19	TỈNH THANH HOÁ	45	TỈNH AN GIANG
20	TỈNH NGHỆ AN	46	TỈNH KIÊN GIANG
21	TỈNH HÀ TĨNH	47	THÀNH PHỐ CẦN THƠ
22	TỈNH KON TUM	48	TỈNH HẬU GIANG
23	TỈNH GIA LẠI	49	TỈNH SÓC TRĂNG
24	TỈNH ĐẮK LẮK	50	TỈNH BẠC LIÊU
25	TỈNH ĐẮC NÔNG	51	TỈNH CÀ MAU
26	TỈNH LÂM ĐỒNG		

* Các tỉnh (TP) không có Ban Dân tộc gồm: Ninh Bình, Hà Tĩnh, Đà Nẵng và Bình Dương

UBND TỈNH KIÊN GIANG
VĂN PHÒNG

Số: 7312/VP-KGVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 19 tháng 11 năm 2020


V/v Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025.

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã nhận Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025” (đính kèm văn bản).

Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Minh Thành có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh văn bản triển khai thực hiện các nội dung theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ (hoàn thành chậm nhất ngày 07/12/2020).

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo ý kiến chỉ đạo trên đến quý cơ quan biết, thực hiện. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP; P. KGVX;
- Lưu: VT, thuy.



Huỳnh Vĩnh Lạc

Người ký: Văn phòng Ủy ban Nhân dân
Email: vpubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 19.11.2020 13:36:02 +07:00